

VIAC SỐ [*]/19 HCM

**TRANH CHẤP TRỌNG TÀI TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIAC)
THEO QUY TẮC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI NĂM 2017**

GIỮA
Công ty [*]
VÀ
Công ty [*]

**BẢN TỰ BẢO VỆ ĐỐI VỚI ĐƠN KHỞI KIẾN LẠI
VIAC SỐ [*]/19/HCM**

Hội Đồng Trọng Tài

Ông [*], Chủ tịch Hội đồng Trọng tài

Ông [*], Trọng tài viên

Ông [*], Trọng tài viên

Cố Vấn Pháp Lý Cho Nguyên Đơn

Công ty Luật TNHH CNC Việt Nam

Luật sư Lê Thế Hùng

Giám đốc điều hành

Tp. Hồ Chí Minh, ngàytháng.....năm....

Số: /2019/[*]-BTBV

Ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Hội Đồng Trọng Tài Giải Quyết Tranh Chấp Vụ [*]/19 HCM

Đồng Gửi Tới: Ban Thư Ký Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam

Kính thưa Hội Đồng Trọng Tài, Ban Thư ký

Bản Tự Bảo Vệ Đối Với Đơn Kiện Lại (“Bản Tự Bảo Vệ”) này được lập phù hợp với văn bản số [*]/VIAC-HCM ngày [*] của VIAC để trình bày quan điểm của Nguyên Đơn, Công ty TNHH Kỹ Thuật [*] đối với các vấn đề được Bị Đơn, Công ty Cổ phần [*] đã nêu trong Đơn kiện lại đề ngày 02 tháng 12 năm 2019 (“Đơn Kiện Lại”).

Bản Tự Bảo Vệ này được đệ trình cùng với Danh Mục Tài Liệu được liệt kê ở cuối trang.

Bất kỳ khi nào Bản Tự Bảo Vệ này viện dẫn tới một tham chiếu, tham chiếu đó sẽ được đánh dấu với cấu trúc C.xxx. Trong đó, C có nghĩa là từ viết tắt của Nguyên Đơn trong tiếng Anh (Claimant) và xxx có nghĩa là mục (số thứ tự mà) tại đó Bản Tự Bảo Vệ của Nguyên Đơn trình bày cụ thể như sau:

I. Các Vấn Đề Chung

1. Các Định Nghĩa Và Thuật Ngữ Được Sử Dụng

Trừ khi được quy định khác đi, các từ, cụm từ hay thuật ngữ được sử dụng trong Bản Tự Bảo Vệ này sẽ có ý nghĩa như sau:

- 1.1. “VIAC” hoặc “Trung Tâm” có nghĩa là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.
- 1.2. “Quy Tắc” có nghĩa là Quy Tắc Tổ Tụng Trọng Tài được VIAC ban hành và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2017.
- 1.3. “HĐTT” có nghĩa là Hội Đồng Trọng Tài được thiết lập phù hợp với Quy Tắc để giải quyết Vụ Việc.
- 1.4. “Vụ Việc” hoặc VIAC Số [*]/19/HCM có nghĩa là vụ tranh chấp được Nguyên Đơn khởi xướng, được Trung Tâm chấp nhận và hiện tại đang được giải quyết bởi HĐTT.
- 1.5. “[*]” hoặc “Chủ Đầu Tư” hoặc “Bị Đơn” có nghĩa là Công ty [*], có địa chỉ đăng ký tại [*], Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam và những người kế thừa hợp pháp tư cách pháp lý này.

- 1.6. “[*]” hoặc “Nhà Thầu” hoặc “Nguyên Đơn” có nghĩa là Công ty [*] và những người kế thừa hợp pháp tư cách pháp lý này.
- 1.7. “Nhà Thầu Xây Dựng Chính” nghĩa là nhà thầu thi công gói thầu Xây dựng của Dự Án.
- 1.8. “[*]” có nghĩa là Tổng Công ty [*].
- 1.9. “[*]” có nghĩa là Công ty [*].
- 1.10. “BH”, “[*]” hoặc “Nhà Thầu Xây Dựng Chính” có nghĩa là Công ty [*].
- 1.11. “[*]” hoặc “Nhà Thầu Xử Lý Nước Thải” có nghĩa là Công ty [*].
- 1.12. “BQLDA” hoặc “Ban Quản Lý Dự Án” có nghĩa là người đại diện của Bị Đơn, thay mặt Bị Đơn quản lý, điều hành Dự Án.
- 1.13. “Hợp Đồng”, “Hợp Đồng Xây Dựng” hoặc “Hợp Đồng A02” có nghĩa là Hợp Đồng Xây Dựng số [*]-A02-[*]-MEP[*]-003 ngày [*], bao gồm bất kỳ tài liệu nào đính kèm hoặc được viện dẫn theo đó là bao gồm một phần của Hợp Đồng. Hợp Đồng bao gồm ý nghĩa của bất kỳ văn bản sửa đổi, bổ sung nào sau đó.
- 1.14. “Gói Thầu” có nghĩa là Gói thầu thi công cơ điện.
- 1.15. “Dự Án” có nghĩa là Dự án Nhà máy [*].
- 1.16. FIDIC có nghĩa là Hiệp Hội Quốc Tế Các Kỹ Sư Tư Vấn.
- 1.17. “ĐKC”, “GCC” hoặc “Điều Kiện Chung” có nghĩa là Các Điều Kiện Hợp Đồng quy định chung về các vấn đề trong Hợp Đồng.
- 1.18. “ĐKR”, “PCC” hoặc Điều Kiện Riêng có nghĩa là Các Điều Kiện Hợp Đồng điều chỉnh, sửa đổi, thay thế các quy định của ĐKC.
- 1.19. “LOA”, “Thư Trao Thầu” hoặc “Thư Chấp Thuận” có nghĩa là văn bản do Bị Đơn phát hành cho Nguyên Đơn nêu rõ việc chấp thuận của Bị Đơn đối với đề xuất do Nguyên Đơn đệ trình để thi công và hoàn thành Gói Thầu.
- 1.20. “PLHĐ 01” có nghĩa là Phụ Lục Hợp Đồng số 01 được ký bởi Nguyên Đơn và Bị Đơn ngày 06/01/2017 để điều chỉnh thông tin tài khoản.
- 1.21. “PLHĐ 02” có nghĩa là Phụ Lục Hợp Đồng Số 02 được ký bởi Nguyên Đơn và Bị Đơn ngày 13/07/2017¹ để điều chỉnh phạm vi công việc, gia hạn thời gian hoàn thành và điều chỉnh Giá Trị Hợp Đồng.

¹ Xem thêm C.1.21: Phụ Lục Hợp Đồng Số 02 ngày 13/07/2017 (Đính kèm C-29)

- 1.22. “Ngày Khởi Công” có nghĩa là ngày mà Nguyên Đơn đã nhận được mặt bằng đủ điều kiện thi công và đã được khoản tiền tạm ứng trước của Hợp Đồng, tức ngày 23/03/2017².

2. Các Bên

Thông Tin Nguyên Đơn

Tên: Công ty [*]

Địa chỉ đăng ký: [*], Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: [*]

Số fax:

Email: [*]

Đại diện bởi: Ông [*]

Cố vấn pháp lý: Công ty Luật TNHH CNC Việt Nam

Thông Tin Bị Đơn

Tên: Công ty [*]

Địa chỉ đăng ký: [*], Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: [*]

Số fax:

Email: [*]

Đại diện bởi: Ông [*]

3. Tóm tắt vụ việc

- 3.1. Nguyên Đơn và Bị Đơn ký kết Hợp Đồng vào ngày [*] sau khi LOA được ký ngày [*].
- 3.2. Theo quy định của Hợp Đồng thì Nguyên Đơn có nghĩa vụ thi công và hoàn thành Gói Thầu trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Nguyên Đơn nhận được mặt bằng thi công đủ điều kiện và nhận đủ tiền tạm ứng³ (tức từ ngày **08/03/2017**).

² Xem thêm C.1.22: Văn bản số 2203/1/TT ngày 23/03/2017 (Đính kèm C-30).

³ Xem thêm C3.2: Điều 2 [Thời hạn Hợp đồng], Thỏa Thuận Hợp Đồng.

- 3.3. Như vậy, nếu không có gì thay đổi thì Nguyên Đơn có nghĩa vụ thi công và hoàn thành Gói Thầu vào ngày **06/07/2017**.
- 3.4. Tuy nhiên, do có nhiều thay đổi về nhãn hiệu của thiết bị, vật tư nên ngày 23/03/2017, Nguyên Đơn đã có Công văn số 2203/1/TT⁴ đôn đốc [*] xác nhận lại nhãn hiệu của thiết bị, vật tư do việc Bị Đơn chậm trễ xác nhận nhãn hiệu thiết bị, vật tư cho Nguyên Đơn. Việc chậm trễ xác định nhãn hiệu của thiết bị, vật tư sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ đặt hàng và tiến độ thi công trên công trường.
- 3.5. Ngày 29/03/2019, BQLDA (ký bởi ông [*]) đã ban hành Văn bản chỉ đạo công trường cho Nguyên Đơn, xác nhận thay đổi nhãn hiệu, chủng loại vật tư và yêu cầu đặt hàng, triển khai các công tác thi công trên công trường liên quan đến các vật tư bị thay đổi⁵.
- 3.6. Ngày 30/3/2019, BQLDA (ký bởi ông [*]) đã ban hành Văn bản chỉ đạo công trường cho Nguyên Đơn, chỉ đạo Nguyên Đơn đệ trình chào giá cho công tác cung cấp và lắp đặt máy nén khí, hệ thống lò hơi và đồng thời không triển khai bất kỳ công việc thay đổi nào liên quan đến các vật tư này cho đến khi có xác nhận thực hiện từ Bị Đơn⁶.
- 3.7. Để hoàn thiện các thay đổi nói trên và để cập nhật tình hình thực tế triển khai Dự Án, Nguyên Đơn Và Bị Đơn ký PLHD 02 ngày 13/07/2017 theo đó Các Bên điều chỉnh thời gian thi công *“được điều chỉnh theo kế hoạch thực hiện thực tế của nhà thầu xây dựng chính và được bên A chấp thuận.”*
- 3.8. Trong khi đó, do các bất đồng giữa Bị Đơn và Nhà Thầu Xây Dựng Chính từ tháng 4/2017, Nhà Thầu Xây Dựng Chính đã trì hoãn việc thi công tại Dự Án, gây trễ hạn cho tất cả các nhà thầu khác, bao gồm cả các công việc mà Nguyên Đơn đảm nhận.
- 3.9. Các mâu thuẫn giữa Bị Đơn và Nhà Thầu Xây Dựng Chính lên cao đỉnh điểm khi Nhà Thầu Xây Dựng Chính thông báo trong cuộc họp giao ban với các bên có liên quan tại Dự Án rằng *“Ban GD BH đang có công văn phản hồi [*] về thông báo CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG....”* và cuối cùng thì Nhà Thầu Xây Dựng Chính rút khỏi Dự Án từ 06/07/2017⁷. Từ thời điểm này, Dự Án gần như bị tạm ngưng để chờ Bị Đơn giải quyết các hệ quả từ việc chấm dứt hợp đồng với Nhà Thầu Xây Dựng Chính.

⁴ Xem thêm C.1.22: Văn bản số 2203/1/TT ngày 23/03/2017 (Đính kèm C-30).

⁵ Xem thêm C.3.5: Chỉ Thị Công Trường ngày 29/03/2017 (Đính kèm C-31).

⁶ Xem thêm C.3.6: Chỉ Thị Công Trường ngày 30/03/2017 (Đính kèm C-32).

⁷ Xem thêm C.3.9: Biên bản họp dự án A02-NMGM ngày 06 tháng 7 năm 2017 (Đính kèm C-33).

- 3.10. Liên tục trong các cuộc họp kế tiếp⁸, Nguyên Đơn yêu cầu Bị Đơn “*cung cấp thông tin về tiến độ thi công hạng mục XD (xây dựng) để lên kế hoạch cho công tác nhập hàng*” nhưng đều không có câu trả lời hay hướng dẫn từ Bị Đơn.
- 3.11. Tới ngày **10/10/2017**, sau rất nhiều trì hoãn Bị Đơn có văn bản số **[*]/01/[*]-[*]-CV** trong đó thừa nhận rằng: “... *[*] đã chấm dứt hợp đồng với nhà thầu [*] vào **cuối tháng 6/2017** và dự kiến sẽ tiếp tục được thực hiện vào đầu tháng 9/2017 sau khi [*] tìm được nhà thầu mới phù hợp để thay thế [*] nhằm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ của dự án. Tuy nhiên, cuối tháng 8/2017, dự án đã phải tạm dừng do có chủ trương về chuyển đổi chủ đầu tư và thủ tục pháp lý cho việc này phải hoàn thành trước khi có bất kỳ thanh toán cũng như xác định vận hành dự án tiếp tục.*”⁹
- 3.12. Không thể tiếp tục gánh chịu các thiệt hại do việc tạm ngưng kéo dài, ngày 09/01/2018 Nguyên Đơn đã có văn bản số **[*]** thông báo với Bị Đơn về ý định chấm dứt Hợp Đồng do tạm ngưng quá lâu.
- 3.13. Ngày 09/02/2018, Nguyên Đơn gửi văn bản số 0902/1/EC về việc chấm dứt Hợp Đồng từ ngày 01/03/2018.
- 3.14. Ngày 24/04/2018, Nguyên Đơn gửi cho Bị Đơn văn bản số 2404/EC về “Thông báo giải quyết tranh chấp.
- 3.15. Ngày 30/05/2018, Nguyên Đơn gửi cho Bị Đơn văn bản số 3005/EC về quyết định tiến hành khởi kiện tranh chấp Hợp Đồng.
- 3.16. Ngày 15/08/2019, Nguyên Đơn khởi kiện Bị Đơn tại VIAC.
- 3.17. Ngày 13/12/2019, Nguyên Đơn nhận được văn bản số **[*]/VIAC-HCM** ngày **[*]** của VIAC để trình bày và bảo vệ quan điểm của Nguyên Đơn.

II. **Quan Điểm Của Nguyên Đơn Đối Với Yêu Cầu Bồi Thường Thiệt Hại Do Chậm Trễ**

Nguyên Đơn theo đây **bác bỏ toàn bộ** các yêu cầu của Bị Đơn được nêu tại Đơn Kiện Lại bởi các lý do nêu tại các Mục từ 4 tới 27. Cụ thể như sau:

A. **Về Thủ Tục**

⁸ Xem thêm C.3.10: Biên bản họp dự án **[*]-NMGM** ngày 22/7/2017 và ngày 08/10/2017 (Đính kèm C-34).

⁹ Xem thêm C.3.11: Văn bản số A02/01/TTG-[*]-CV ngày 10/10/2017 (Đính kèm C-35).

4. Thẩm Quyền Ký Đơn Kiện Lại

- 4.1. Đơn Kiện Lại được ký bởi ông [*], Tổng Giám Đốc: **là không đáp ứng theo yêu cầu của Quy Tắc và của pháp luật Việt Nam và không có hiệu lực pháp luật.**
- 4.2. Cụ thể, theo quy định tại Điều 10.2.(e) của Quy Tắc, thì Đơn Khởi Kiện Lại phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp bị đơn là tổ chức.
- 4.3. Trong khi đó, theo thông tin xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 02/1/2020 thì người đại diện theo pháp luật hiện tại của [*] là ông [*] (lần thay đổi thông tin doanh nghiệp gần nhất của [*] là ngày 22/3/2019) mà không phải là ông [*]¹⁰.
- 4.4. Do đó, Nguyên Đơn kính đề nghị HĐTT tuyên bố ***không tiếp tục giải quyết đối với Đơn Kiện Lại của Bị Đơn, đồng thời đình chỉ giải quyết các yêu cầu của Bị Đơn theo quy định tại Điều 30 của Quy Tắc.***

5. Thời Điểm Nộp Đơn Kiện Lại

- 5.1. Trong quy định tại Điều 10.1 của Quy Tắc thì “... *Đơn kiện lại phải được gửi tới Trung tâm vào cùng thời điểm gửi Bản tự bảo vệ*”.
- 5.2. Điều đó có nghĩa “*Bị Đơn có nghĩa vụ đệ trình cho Trung tâm Đơn Kiện Lại trước 17h00 ngày 02/12/2019*”. Tuy nhiên, trong toàn bộ tài liệu mà Nguyên Đơn nhận được từ Trung tâm (văn bản số [*]/VIAC-HCM ngày [*]) và Đơn Kiện Lại của Bị Đơn đều không có cơ sở để xác định “thời điểm” đệ trình Đơn Kiện Lại của Bị Đơn.
- 5.3. Do vậy, không có cơ sở để xác định tính hợp pháp và giá trị pháp lý của Đơn Kiện Lại.
- 5.4. Kính đề nghị HĐTT cung cấp cho Nguyên Đơn bằng chứng cho thấy Đơn Kiện Lại đã được nộp cho Trung tâm vào trước 17h00 ngày [*] trước khi tiến hành xem xét đến bất kỳ nội dung nào khác của Vụ Kiện.

6. Thời Điểm Nộp Phí Trọng Tài

- 6.1. Theo quy định tại khoản Điều 35.2 của Quy Tắc thì Bị Đơn phải có nghĩa vụ nộp đủ phí trọng tài trước khi Trung tâm thụ lý vụ việc.

¹⁰ Xem thêm C.4.3: Phiếu Cung Cấp Thông Tin ngày 02/01/2020 (Đính kèm C-36).

- 6.2. Tuy nhiên, trong toàn bộ tài liệu mà Nguyên Đơn nhận được từ Trung tâm (văn bản số [*]/VIAC-HCM ngày [*]) và Đơn Kiện Lại của Bị Đơn đều không có cơ sở để xác định “thời điểm” nộp phí trọng tài của Bị Đơn.
- 6.3. Trong trường hợp “phí trọng tài không được nộp đầy đủ theo yêu cầu của Trung tâm thì Bị Đơn được coi như rút Đơn Kiện Lại.
- 6.4. Do vậy, không có cơ sở để xác định tính hợp pháp và giá trị pháp lý của Đơn Kiện Lại.
- 6.5. Kính đề nghị HĐTT cung cấp cho Nguyên Đơn bằng chứng cho thấy Bị Đơn đã thực hiện nghĩa vụ đóng phí trọng tài theo yêu cầu của Nguyên Đơn trước khi tiến hành xem xét đến bất kỳ nội dung nào khác của Vụ Kiện.

7. Đơn Kiện Lại Không Có Căn Cứ Hợp Pháp

- 7.1. Theo quy định tại Điều 7.3, Điều 10.3 của Quy Tắc thì *“Kèm theo Đơn Khởi Kiện phải có thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan”* để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện (hoặc kiện lại) đó là có căn cứ và hợp pháp.
- 7.2. Tuy nhiên, trong toàn bộ tài liệu mà Nguyên Đơn nhận được từ Trung tâm (văn bản số [*]-HCM ngày 13/12/2019) và Đơn Kiện Lại của Bị Đơn đều thì không có bất kỳ tài liệu nào để hỗ trợ, giải thích hay chứng minh cho các yêu cầu của Bị Đơn.
- 7.3. Do vậy, Nguyên Đơn không có nghĩa vụ bắt buộc phải chứng minh lại đối với yêu cầu khởi kiện của Bị Đơn. Kính đề nghị HĐTT tuyên bố Đơn Kiện Lại của Bị Đơn là không có cơ sở để xem xét và giải quyết.

B. Về Nội Dung

Bất kể những vấn đề được Nguyên Đơn nêu tại Mục 4 tới Mục 7 nói trên, Nguyên Đơn với thiện chí của mình phản hồi như dưới đây để HĐTT thấy được bản chất của những cáo buộc vô căn cứ, không xác thực của Bị Đơn nhằm trì hoãn nghĩa vụ, gây tổn kém chi phí cho Các Bên.

8. Thứ Nhất, Yêu cầu Của Bị Đơn Là Trái Với Toàn Bộ Thực Tế Triển Khai Dự Án

- 8.1. Như được mô tả tại Mục 3 [*Tóm Tắt Vụ Việc*], có thể thấy rõ *“toàn bộ việc chậm trễ, kéo dài Dự Án/Gói Thầu trước hết xuất phát từ Bị Đơn hoặc do nhà thầu mà Bị Đơn thuê muốn không hoàn thành các công việc được giao và những vấn đề pháp lý dự án mà Bị Đơn đã không giải quyết được”*.

- 8.2. Cụ thể, để triển khai xây dựng Dự Án thì Bị Đơn đã chia Dự Án ra làm nhiều gói thầu khác nhau, trong đó bao gồm 03 gói thầu chính sau:
- (i) gói thầu cho phần Xây dựng của Dự Án (ban đầu do nhà thầu [*] phụ trách);
 - (ii) gói thầu cho phần Cơ điện – MEP (do Nguyên Đơn phụ trách bao gồm gói nhân công lắp đặt dây chuyền [*], dây chuyền công nghệ nhãn hiệu Taesa do Bị Đơn mua) và
 - (iii) gói thầu Xử lý nước thải (do nhà thầu [*] phụ trách).
- 8.3. Theo đó, các gói thầu Cơ Điện – MEP và Xử Lý Nước Thải phụ thuộc và có tính chất gắn bó với gói thầu cho phần Xây dựng của Dự Án. Mỗi khi gói thầu cho phần Xây dựng của Dự Án bị ảnh hưởng thì các gói thầu Cơ Điện – MEP và Xử Lý Nước Thải sẽ bị ảnh hưởng theo, trực tiếp.
- 8.4. Tuy nhiên, ngay từ tháng 4/2017¹¹ những vấn đề của Nhà Thầu Xây Dựng Chính đã không được Bị Đơn Giải quyết triệt để, dẫn tới việc BQLDA đã liên tục họp giao ban về tình hình thi công công trường với các nhà thầu trong đó đã đề cập tới vấn đề trễ hạn của Nhà Thầu Xây Dựng Chính. Theo như nội dung cuộc họp thì Ban Quản Lý Dự Án chỉ đạo nhà thầu [*] (trễ tiến độ 30 ngày) và nhà thầu [*] (trễ tiến độ 20 ngày) đẩy nhanh tiến độ thi công.
- 8.5. Tiếp đó, ngày 04/5/2017¹², BQLDA họp nội bộ công trường với các nhà thầu bao gồm: Nhà Thầu Xây Dựng Chính, Nguyên Đơn và Nhà Thầu Xử Lý Nước Thải. Theo như nội dung cuộc họp thì BQLDA yêu cầu nhà thầu [*] có phương án tăng nhân sự để đẩy nhanh tiến độ thi công.
- 8.6. Vấn đề nói trên vẫn không được cải thiện bởi tới ngày 24/5/2017¹³, BQLDA họp giao ban về tình hình thi công công trường với các nhà thầu, tư vấn giám sát [*] và đại diện [*]. Theo như nội dung cuộc họp thì BQLDA yêu cầu nhà thầu [*] phải đẩy nhanh tiến độ thi công, xuất phát từ sự chậm trễ của nhà thầu [*] đã gây ảnh hưởng đến tiến độ thi công của các nhà thầu khác.
- 8.7. Đơn cử một số hạng mục chính của nhà thầu [*] như: nhà xưởng chính không thi công được do vướng thời tiết, [*] không đề ra phương án nào cho việc dự trù các ảnh hưởng do thời tiết; nhà tồn trữ [*] mới đổ bê tông cột xong, bể nước ngầm đang nghiệm thu cốt pha chờ đổ bê tông, hạ tầng đường sá tiến độ thi công chậm do thời tiết mưa liên tục... Cũng tại cuộc họp, Nguyên Đơn đã yêu cầu nhà thầu [*]

¹¹ Xem thêm C.8.4: Biên bản họp dự án A02-NMGM ngày 14 tháng 4 năm 2017 (Đính kèm C-37).

¹² Xem thêm C.8.5: Biên bản họp dự án A02-NMGM ngày 04 tháng 5 năm 2017 (Đính kèm C-38)

¹³ Xem thêm C.8.6: Biên bản họp dự án A02-NMGM ngày 24 tháng 5 năm 2017 (Đính kèm C-39).

đẩy nhanh tiến độ xây dựng để Nguyên Đơn triển khai thi công các hạng mục tương ứng.

- 8.8. Tương tự như vậy, ngày 01/06/2017¹⁴, BQLDA họp giao ban về tình hình thi công công trường với các nhà thầu bao gồm, tư vấn giám sát [*] và đại diện [*]. Nội dung cuộc họp đưa ra các thời hạn sửa chữa lỗi và thi công của nhà thầu xây dựng [*] liên quan đến nền, móng, cột của nhà xưởng chính, tiến độ thi công bể nước ngầm... Nguyên Đơn báo cáo tình hình thi công chung và các ý kiến về thiết kế kỹ thuật, vướng mắc để các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện.
- 8.9. Sự việc đã không được giải quyết và vào các ngày 22/6/2017¹⁵ và 30/6/2017¹⁶, BQLDA họp giao ban về tình hình thi công công trường **thông báo việc chấm dứt hợp đồng** với nhà thầu [*], đồng thời yêu cầu nhà thầu [*] tiến hành công tác nghiệm thu và bàn giao các hạng mục đã thi công.
- 8.10. Trước tình hình đó, tại cuộc họp với BQLDA vào ngày 06/7/2017¹⁷: Nguyên Đơn đã báo cáo công việc thi công và yêu cầu Bị Đơn cung cấp thông tin về tiến độ thi công hạng mục xây dựng để lên kế hoạch nhập hàng vì tại thời điểm này nhà thầu xây dựng [*] đã dừng thi công và trên công trường không còn công nhân nào của nhà thầu [*] theo ghi nhận tại biên bản cuộc họp.
- 8.11. Nói cách khác, bối cảnh gói thầu cơ điện MEP của Nguyên Đơn và gói thầu Xử lý nước thải sau thời điểm ngày 06/07/2017 gần như phải tạm ngừng thi công toàn bộ công việc do phụ thuộc vào tiến độ của hạng mục xây dựng mà Bị Đơn cũng không biết phải xử lý hay hướng dẫn cho Nguyên Đơn thực hiện như thế nào.
- 8.12. Mãi tới khi Bị Đơn có văn bản số [*]/01/[*]-[*]-CV¹⁸ phản hồi Công văn số [*]/1/¹⁹ của [*] phản hồi về tiến độ dự án và các vấn đề liên quan thì những vấn đề của Dự Án mới được Bị Đơn chính thức thông tin đến Nguyên Đơn. Theo đó, Bị Đơn khẳng định Dự Án bị tạm ngưng và không xác định được chính xác ngày để các bên có thể khởi động trở lại.
- 8.13. Từ thực tế đó tới nay, Dự Án vẫn chưa được hoàn thành. Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho tất cả đều do những vấn đề mà Bị Đơn Gây Ra và không thể nào

¹⁴ Xem thêm C.8.8: Biên bản họp dự án A02-NMGM ngày 01 tháng 6 năm 2017 (Đính kèm C-40).

¹⁵ Xem thêm C.8.9: Biên bản họp dự án A02-NMGM ngày 22 tháng 6 năm 2017 (Đính kèm C-41).

¹⁶ Xem thêm C.8.9: Biên bản họp dự án A02-NMGM ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Đính kèm C-42).

¹⁷ Xem thêm C.3.9: Biên bản họp dự án A02-NMGM ngày 06 tháng 7 năm 2017 (Đính kèm C-33).

¹⁸ Xem thêm C.3.11: Văn bản số A02/01/TTG-[*]-CV ngày 10/10/2017 (Đính kèm C-35).

¹⁹ Xem thêm C.8.12: Văn bản số 0410/1/TT ngày 04/10/2017 (Đính kèm C-43)

khieu nại, hay đổ lỗi cho bất kỳ bên nào khác cũng như không thể quy kết cho bất kỳ nguyên nhân nào khác. Do vậy, không thể có phán quyết hay quyết định nào có thể được ban hành để bảo vệ cho những yêu cầu, những cáo buộc vô căn cứ và thiếu thiện chí như vậy của Bị Đơn.

9. Thứ Hai, Bị Đơn Là Nguyên Nhân Của Tất Cả Các Thiệt Hại Phát Sinh

- 9.1. Khi những nguyên nhân chính dẫn tới việc Dự Án bị kéo dài, đình trệ xảy ra (*nguyên nhân từ việc Bị Đơn chấm dứt Hợp Đồng với Nhà Thầu Xây Dựng Chính và nguyên nhân từ việc chuyển đổi pháp lý Chủ Đầu Tư của Dự Án*), Bị Đơn đã hành xử thiếu chuyên nghiệp, không đúng với các thỏa thuận của Hợp Đồng và do vậy Bị Đơn là người phải chịu trách nhiệm toàn bộ các thiệt hại xảy ra.
- 9.2. Cụ thể, ở nguyên nhân thứ nhất: Khi có các mâu thuẫn với Nhà Thầu Xây Dựng Chính, Bị Đơn đã:
- (i) Thiếu đi một chiến lược rõ ràng trong việc xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của Nhà Thầu Xây Dựng Chính;
 - (ii) Không có được giải pháp hữu hiệu cho việc xử lý dứt điểm các vấn đề mà Nhà Thầu Xây Dựng Chính gây ra để hạn chế các hệ quả phát sinh từ việc chậm trễ của nhà thầu này gây ra (mặc dù đã được Nguyên Đơn và các bên có liên quan khiếu nại, hoặc cảnh báo);
 - (iii) Không có phương án tìm kiếm nhà thầu khác thay thế kịp thời. Cho tới khi Bị Đơn ra văn bản số **[/01/[/-[/-CV** ngày 10/10/2017 – tức gần 4 tháng sau khi chấm dứt hợp đồng với Nhà Thầu Xây Dựng Chính thì nhà thầu mới vẫn chưa được lựa chọn;
 - (iv) Không thông báo cho Nguyên Đơn và các bên có liên quan một kế hoạch hoặc thời điểm phù hợp để các bên có thể sắp xếp kế hoạch thi công.
- 9.3. Trong khi đó, về mặt tiến độ thi công các hạng mục cơ điện trong một dự án xây dựng, bao giờ cũng cần hạ tầng nền móng, kết cấu, kiến trúc hoàn thiện xong, nhà thầu cơ điện mới có mặt bằng để triển khai công việc (ngoại trừ các công tác điện hình đặt ống kỹ thuật, lỗ xuyên sàn, xuyên tường bê tông sẽ cùng tiến hành trong giai đoạn công tác bê tông với nhà thầu xây dựng). Vì vậy, khi tiến độ xây dựng chậm trễ sẽ dẫn đến các hạng mục của nhà thầu cơ điện phải lùi thời gian theo.
- 9.4. Tương tự như vậy, ở nguyên nhân thứ hai (thay đổi tư cách pháp lý của Chủ Đầu Tư Dự Án), Bị Đơn đã:
- (i) Mập mờ trong việc xác định nguyên nhân thực sự của việc tạm ngưng Dự Án;

- (ii) Quy kết việc thay đổi tư cách Chủ Đầu Tư dự án như là “*một sự kiện bất khả kháng*”²⁰; và
 - (iii) Không chỉ dẫn cho Bị Đơn và các bên có liên quan biết phải thực hiện các công việc tiếp theo như thế nào.
- 9.5. Không những vậy, sau khi Hợp Đồng bị chấm dứt thì chính thái độ, và quan điểm thiếu thiện chí, đổ lỗi hoặc né tránh trách nhiệm của Bị Đơn mà sau rất nhiều nỗ lực thương thảo, thương lượng hữu hảo Bị Đơn cũng đã không tuân thủ theo những cam kết đã đạt được với Nguyên Đơn.
- 9.6. Bằng chứng rõ ràng nhất, cụ thể nhất là sau khi Nguyên Đơn gửi hồ sơ quyết toán cho Bị Đơn ngày 08/11/2019 thì Bị Đơn lấy lí do nhân sự nghỉ việc nên không nắm được hồ sơ²¹.
- 9.7. Do vậy, Nguyên Đơn không thể tìm được bất kỳ cơ sở pháp lý, thực tiễn hay vấn đề nào khác để đồng ý với bất kỳ lập luận nào mà Bị Đơn nêu ra liên quan đến vấn đề trễ hạn thực hiện Dự Án/Gói Thầu hay những mất mát mà Bị Đơn đã phải gánh chịu.
- 10. Thứ Ba, Không Có Cơ Sở Để Yêu Cầu Phạt Tiến Độ Với Nguyên Đơn**
- 10.1. Yêu cầu của Bị Đơn đối với khoản tiền phạt nêu tại Mục 21 tới Mục 31 và tại Mục 44 tới Mục 45 của [Đơn Kiến Lại] chỉ thể hiện Bị Đơn:
- (i) Không cân nhắc gì đến những diễn biến thực tế tại Dự Án (như đã được nêu tại Mục 8 ở trên);
 - (ii) Không hiểu được nghĩa vụ và trách nhiệm của Bị Đơn đối với những vấn đề mà Bị Đơn có nghĩa vụ phải xử lý như được nêu tại Mục 9 ở trên;
 - (iii) Chỉ thể hiện thái độ thiếu thiện chí, không hiểu biết, hoặc cố tình gây khó khăn cho Nguyên Đơn trong việc yêu cầu các quyền lợi của mình.
- 10.2. Thật vậy, để tính toán được số tiền phạt cụ thể thì Bị Đơn phải thiết lập được ít nhất những vấn đề sau đây – những điều mà Bị Đơn hoàn toàn không thiết lập được:
- (i) Ngày bắt đầu (Ngày Khởi Công) của Gói Thầu;
 - (ii) Ngày hoàn thành của Gói Thầu;
 - (iii) Có hay không thời gian gia hạn đã được các bên thống nhất;
 - (iv) Khoảng thời gian mà Nguyên Đơn phải chịu trách nhiệm cho các thiệt hại; và
 - (v) Tỷ lệ phạt (bồi thường thiệt hại) mà Hợp Đồng cho phép; và

²⁰ Xem thêm C.3.11: Văn bản số A02/01/TTG-[*]-CV ngày 10/10/2017 (Đính kèm C-35).

²¹ Xem thêm C.9.6: Thư điện tử mà Bị Đơn gửi lúc 2.10 chiều ngày 8/11/2019 (Đính kèm C-44).

- 10.3. Trái ngược với những suy luận vô căn cứ, thiếu hiểu biết của Bị Đơn về khoảng thời gian mà Nguyên Đơn phải chịu trách nhiệm cho các thiệt hại (từ ngày 06/07/2017 tới 10/08/2017) như được nêu tại Mục 29 của Đơn Kiến Lại. Bị Đơn đã quên rằng:
- (i) Toàn bộ những chậm trễ của Dự Án là do Bị Đơn gây ra hoặc từ lý do mà Bị Đơn phải chịu trách nhiệm. Hoàn toàn không có bất kỳ văn bản, cơ sở hay yêu cầu nào của Hợp Đồng hay thực tế để chứng minh rằng Nguyên Đơn đã gây ra trễ hạn cho Dự Án;
 - (ii) Bị Đơn và Nguyên Đơn đã ký PLHĐ 02 trong đó nêu rõ “*Thời gian thực hiện và hoàn thành công việc phát sinh và công việc của hợp đồng chính được điều chỉnh theo kế hoạch thực hiện thực tế của nhà thầu xây dựng chính và được bên A chấp thuận.*” Tuy vậy, đáp trả cho những thiện chí đó của Nguyên Đơn và PLHĐ 02 đã được ký kết, Bị Đơn đã cố gắng quy kết tại Mục 27 của Đơn Kiến Lại như sau “*Trong thực tế, trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận biết được sự việc dẫn đến trễ tiến độ hợp đồng bị kéo dài, Nguyên Đơn đã không gửi cho Bị Đơn bất kỳ Thư Khiếu nại nào đính kèm với tài liệu giải trình theo quy định tại Điều 8.4€, Điều kiện riêng...*”. Đây là một minh chứng nữa để chứng minh cho một hình ảnh Bị Đơn xấu xí, thiếu thiện chí, thiếu khả năng hợp tác, chèn ép Nhà Thầu và phủi trách nhiệm của mình khi Dự Án bị đình trệ tới ngày hôm nay;
 - (iii) Ngày 10/08/2017 (mà theo quan điểm của Bị Đơn) là “*ngày tạm ngưng thi công*”. Điều này có nghĩa ngày 10/08/2018 là ngày mà Gói Thầu chưa hoàn thành trên thực tế, hoặc Hợp Đồng chưa bị chấm dứt bởi bên nào. Nói cách khác, đây không thể và chưa bao giờ có thể xem xét là thời điểm để đánh giá khoảng thời gian mà Nguyên Đơn phải chịu trách nhiệm cho các thiệt hại do chậm trễ.
- 10.4. Bởi vậy: Bị Đơn hoàn toàn không có bất kỳ cơ sở hay lý lẽ nào để thuyết phục cho các yêu cầu của mình trong Đơn Kiến Lại. Do vậy, các yêu cầu của Bị Đơn trong Đơn Kiến Lại cần bị bác bỏ hoàn toàn.
11. **Thứ Tư, Cần Ghi Nhận Những Nỗ Lực và Thiện Chí Của Nguyên Đơn Đối Với Việc Thực Hiện Hợp Đồng Cũng Như Việc Giải Quyết Các Hệ Quả Sau Khi Chấm Dứt Hợp Đồng**
- 11.1. Xuyên suốt quá trình thi công Gói Thầu, Nguyên Đơn luôn tuân thủ theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của BQLDA cũng như nhận được sự chấp thuận BQLDA mọi vấn đề phát sinh liên quan đến công tác thi công Dự Án, không giới hạn như tiến độ thi

công, việc tạm ngừng thi công, gia hạn thời gian hoàn thành, chi phí phát sinh do kéo dài dự án, nghiệm thu....

- 11.2. Chiếu theo các nội dung cuộc họp giao ban với BQLDA, chưa hề có nội dung nào liên quan đến việc chậm trễ của Gói Thầu triển khai trên công trường.
- 11.3. Chiếu theo các công văn chính thức giữa các Bên, Bị Đơn luôn đưa ra luận cứ “*điều kiện bất khả kháng*”²² để trì hoãn thanh toán cho Nguyên Đơn về các khoản nợ chưa trả, các trách nhiệm trong Hợp Đồng chưa thực thi chứ không đề cập đến việc Nguyên Đơn gây ra việc chậm trễ tiến độ như đơn kiện lại của Bị Đơn.
- 11.4. Ngược lại, trong quá trình thi công, Nguyên Đơn luôn thể hiện là một nhà thầu có trách nhiệm với Dự Án, minh chứng là sau khi Dự Án bị tạm ngừng thi công thì Nguyên Đơn đã nhiều lần trao đổi với Bị Đơn (trực tiếp tại các cuộc họp, gửi công văn, email) hỏi về kế hoạch triển khai tiếp theo của Dự Án.
- 11.5. Mặt khác, trong các yêu cầu của mình thì Nguyên Đơn đã không yêu cầu cho các chi phí phát sinh do quá trình Dự Án bị gián đoạn, trì hoãn, kéo dài trong suốt thời gian Nhà Thầu Xây Dựng Chính gây ra chậm trễ, hoặc khi Bị Đơn chưa tìm được Nhà Thầu Xây Dựng Chính thay thế, hoặc trong suốt thời gian Bị Đơn xử lý các vấn đề về chuyển đổi pháp lý Dự Án.
- 11.6. Tất cả những điều đó chỉ để khẳng định rằng Nguyên Đơn đã thiện chí hợp tác với Bị Đơn trong một thời gian dài, và đã rất hỗ trợ Bị Đơn trong tất cả các vấn đề phát sinh tại Dự Án. Đổi lại, Bị Đơn thực hiện hiện việc yêu cầu Nguyên Đơn bồi thường thiệt hại cho những thiệt hại mà chính Bị Đơn đã gây ra.

III. Quan Điểm Của Nguyên Đơn Đối Với Việc Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng

Nguyên Đơn theo đây **bác bỏ toàn bộ** các yêu cầu của Bị Đơn được nêu tại Đơn Kiện Lại bởi các lý do nêu tại các Mục 32 tới Mục 43 của [Đơn Kiện Lại]. Cụ thể như sau:

C. Về Giá Trị Các Công Việc Đã Thực Hiện Đã Khấu Trừ Hết Tiền Tạm Ứng

12. Nguyên Đơn đã rất ngạc nhiên khi Bị Đơn, trong Đơn Kiện Lại của mình đã yêu cầu Nguyên Đơn phải hoàn trả lại Số Tiền Tạm Ứng và khoản lãi phát sinh, bởi vì sau khi nhận khoản tiền tạm ứng bằng 20% Giá trị hợp đồng với số tiền tạm ứng là [*] đồng, Bị Đơn đã lần lượt trừ dần Khoản Tiền Tạm Ứng vào các kỳ thanh toán tạm sau đó và tại kỳ chốt số liệu quyết toán.

²² Xem thêm C.3.11: Văn bản số A02/01/TTG-[*]-CV ngày 10/10/2017 (Đính kèm C-35).

13. Thật vậy, theo như Chứng chỉ thanh toán IPC #2 ([*] đã thanh toán) thì Bị Đơn đã được Nguyên Đơn hoàn trả khoản tạm ứng tương ứng với số tiền là: [*] đồng.
14. Ngày 02/8/2017, Bị Đơn đã xác nhận thanh toán Chứng chỉ thanh toán IPC #3²³ cho Nguyên Đơn với tổng số tiền là [*] đồng, trong đó số tiền tạm ứng được hoàn trả là: [*] đồng.
15. Ngày 07/08/2017, Nguyên Đơn đã thực hiện gửi hồ sơ thanh toán và Bị Đơn đã nhận²⁴ được hồ sơ thanh toán nhưng trì hoãn và không thanh toán IPC #3 cho Nguyên Đơn.
16. Việc trì hoãn thanh toán IPC #3 kéo dài từ sau sự kiện bị tạm ngừng thi công vào cuối tháng 6 năm 2017 và tiếp đó là việc chuyển đổi chủ đầu tư cho đến khi Nguyên Đơn và Bị Đơn tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc (khối lượng công việc chưa được tính vào IPC #3²⁵) mà Nguyên Đơn đã thực hiện để chốt quyết toán.
17. Sau khi tính toán toàn bộ giá trị khối lượng công việc mà Nguyên Đơn đã thực hiện thì giá trị hai bên dự định chốt quyết toán là [*] đồng.
18. Giá trị dự định chốt quyết toán **[*] đồng** nói trên nêu trên **đã bao gồm khoản hoàn trả (khấu trừ) của toàn bộ số tiền tạm ứng còn lại (đã được hoàn trả/khấu trừ 1 phần vào IPC #2 và IPC #3)** và không bao gồm các hạng mục vật tư, thiết bị chưa được thanh toán.
19. Ngày 20/11/2017, ông [*] – Giám đốc Dự án (thành viên trong Ban Quản Lý Dự Án) đã gửi mail xác nhận²⁶ Giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành dự định chốt quyết toán (được xem là IPC #3 còn lại) phải thanh toán cho [*] là: [*] đồng, gửi kèm theo là Bảng tổng hợp khối lượng thực hiện²⁷ (dự định để chốt quyết toán).

D. Về Giá Trị Vật Tư Chưa Thanh Toán

20. Theo đó, chỉ riêng đối với giá trị vật tư, thiết bị không đưa vào quyết toán (được tính riêng) như bảng liệt kê bên dưới đã có giá trị lớn hơn ***toàn bộ số tiền tạm ứng còn lại (đã được hoàn trả/khấu trừ 1 phần vào IPC #2 và IPC #3)***:

²³ Xem thêm C.14: Thư điện tử mà Bị Đơn gửi lúc 2.10 chiều ngày 02/8/2017 (Đính kèm C-45).

²⁴ Xem thêm C.15: Thư điện tử mà Bị Đơn gửi lúc 3.27 chiều ngày 07/8/2017 (Đính kèm C-46).

²⁵ Xem thêm C.14: Thư điện tử mà Bị Đơn gửi lúc 2.10 chiều ngày 02/8/2017 (Đính kèm C-45).

²⁶ Xem thêm C.19: Thư điện tử mà Bị Đơn gửi lúc 3.46 chiều ngày 20/11/2018 (Đính kèm C-47).

²⁷ Xem thêm C.19: Bảng tổng hợp khối lượng thực hiện (dự định chốt quyết toán) (Đính kèm C-48).

STT	Diễn giải	Giá trị (VND)
1	Chi phí mua máy phát điện	
2	Chi phí mua Tủ điện MSB	
3	Chi phí mua đèn	
	Tổng	

21. Lưu ý rằng, tại thời điểm hai bên dự định chốt quyết toán, Nguyên Đơn đã rất thiện chí, nhân nhượng khi tính Giá trị vật tư, thiết bị chỉ là giá Nguyên Đơn mua hàng, không bao gồm lợi nhuận.
22. Bởi vậy, tổng giá trị đến thời điểm dự định chốt quyết toán mà Bị Đơn còn phải thanh toán cho Nguyên Đơn như sau:
- + Giá trị công việc hoàn thành trên công trường: [*] đồng (1)**
- + Giá trị hàng hóa đã đặt hàng chưa được mua lại: [*] đồng (2)**
- Tổng cộng (1+ 2): [*] đồng**
23. Nguyên Đơn không thể tìm được lý do hay cơ sở thuyết phục để Bị Đơn cho mình quyền được yêu cầu Nguyên Đơn thanh toán Khoản Tiền Tạm Ứng cũng như lãi suất phát sinh.
24. Vì vậy, yêu cầu của Bị Đơn đối với việc hoàn trả Khoản Tiền Tạm Ứng và lãi chậm trả tiền tạm ứng là không có cơ sở.

IV. **Kết luận:**

25. Trên đây là toàn bộ quan điểm và kèm theo là dẫn chứng của Nguyên Đơn đối với những yêu cầu của Bị Đơn trong Đơn Kiến Lại.
26. Nguyên Đơn **kính đề nghị Hội đồng Trọng tài xem xét để:**
- 26.1. Bác bỏ toàn bộ yêu cầu của Bị Đơn trong Đơn Kiến Lại;
- 26.2. Yêu cầu Bị Đơn gánh chịu toàn bộ các chi phí phát sinh từ việc gửi Đơn Kiến Lại;
- 26.3. Yêu cầu Bị Đơn gánh chịu chi phí phát sinh bởi Nguyên Đơn do phải xử lý những yêu cầu này của Bị Đơn, bao gồm cả các chi phí Luật sư mà Nguyên Đơn sẽ cập nhật sau.

27. Đối với một doanh nghiệp như Nguyên Đơn thì thiệt hại phát sinh từ Dự Án là quá lớn và đã gây rất nhiều khó khăn đến hoạt động của doanh nghiệp trong suốt thời gian vừa qua. Vì vậy, thông qua Bản Tự Bảo Vệ này, Nguyên Đơn cũng đề nghị Hội Đồng Trọng tài sớm đưa vụ tranh chấp ra xét xử để Nguyên Đơn sớm có cơ hội phục hồi kinh doanh.

V. Bảo Lưu Các Quyền

28. Nguyên Đơn theo đây bảo lưu các quyền để hiệu chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung nêu tại Bản Tự Bảo Vệ này.
29. Nguyên Đơn bảo lưu các quyền của mình theo quy định của pháp luật để khiếu nại hoặc yêu cầu Bị Đơn chịu trách nhiệm cho các phát sinh từ việc theo đuổi Vụ Việc này.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu h/s vụ việc.

Công ty [*]

Đính kèm:

- Theo danh mục đính kèm.